

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Trong thời gian qua nhận thức, ý thức về công tác bảo vệ môi trường trong các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, đoàn thể, các ngành, các cấp và các tổ chức, cá nhân được nâng cao; môi trường cũng dần được cải thiện; các dự án về môi trường tiếp tục được xây dựng và triển khai, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Kinh phí sự nghiệp môi trường chi cho công tác bảo vệ môi trường ở cả 3 cấp đều tăng lên qua các năm.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, cùng với tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa không ngừng gia tăng, với nguồn nhân lực thực hiện bảo vệ môi trường còn hạn chế, các giải pháp bảo vệ môi trường nói chung chưa đồng bộ. Bên cạnh đó, còn có nhiều lý do khác như: Nguồn vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu, trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường còn thiếu và lạc hậu, công tác thanh kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng, ... Những khó khăn trên là trở ngại lớn cho công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo công tác bảo vệ môi trường (BVMT) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THU GOM, QUẢN LÝ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG:

1. Đối với chất thải rắn đô thị:

Theo số liệu thu thập, điều tra năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường thì tổng lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt phát sinh hàng ngày trên địa bàn tỉnh rất lớn khoảng 980,38 tấn/ngày. Trong đó, chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh khoảng 577,38 tấn/ngày, chất thải rắn sinh hoạt nông thôn phát sinh khoảng 403 tấn/ngày (số liệu rác thải đô thị phát sinh trên địa bàn tỉnh qua các năm được tổng hợp tại Phụ lục 1 đính kèm theo Báo cáo này).

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 86% (395 tấn/ngày) lượng phát sinh. Lượng rác được thu gom chủ yếu tập trung tại các đô thị lớn như: Thành phố Rạch Giá (160 tấn/ngày), huyện Phú Quốc (75 tấn/ngày), huyện Kiên Lương (50 tấn/ngày), thị xã Hà Tiên (45 tấn/ngày), ... Trong đó, lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý hợp vệ sinh (xử lý tại Nhà máy xử lý rác Tâm Sinh Nghĩa) khoảng 200 tấn/ngày, chiếm 52% lượng rác được thu gom, 48%

lượng rác được thu gom còn lại (195 tấn/ngày) được đổ đồng tại các bãi rác hờ, không đảm bảo vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

Thực trạng thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn còn rất khiêm tốn. Trang thiết bị, nhân lực, tài chính cho công tác thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu thực tại. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 nhà máy xử lý chất thải hợp vệ sinh (Nhà máy Tâm Sinh Nghĩa tại xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất) với công suất xử lý 200 tấn/ngày, chủ yếu xử lý rác thải của thành phố Rạch Giá và 04 huyện An Biên, Tân Hiệp, Châu Thành, Hòn Đất. Các huyện, thị xã còn lại trên địa bàn tỉnh đều có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, nhưng các bãi chôn lấp này không đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

2. Đối với chất thải rắn nông thôn:

Hầu hết rác thải nông thôn chưa được tổ chức thu gom, xử lý theo quy định. Ngoại trừ một vài xã đã được công nhận xã nông thôn mới có tổ chức thu gom và xử lý bằng bãi rác lộ thiên (chiếm 3%), còn lại do hộ dân tự xử lý theo cách riêng (chiếm 97%). Theo số liệu điều tra, thống kê thì lượng CTR sinh hoạt ở vùng nông thôn tỉnh Kiên Giang thì định mức phát sinh rác thải là 0,315 kg/người/ngày. Do đó, có thể ước tính được hiện nay vùng nông thôn toàn tỉnh thải ra 403 tấn CTR mỗi ngày. Trong đó, chỉ có khoảng 13 tấn CTR/ngày được thu gom, xử lý. Lượng còn lại (khoảng 390 tấn/ngày) chưa có biện pháp quản lý. Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được người dân tự phát thu gom đổ ra ao, hồ, mương, vườn, kênh, rạch, chỉ có một số ít hộ đào hố chôn sau vườn hoặc tự đốt rác. Đây là một trong những nguyên nhân chính góp phần gây ô nhiễm môi trường nước vùng nông thôn (*số liệu rác thải nông thôn phát sinh trên địa bàn tỉnh qua các năm được tổng hợp Phụ lục 2 đính kèm theo Báo cáo này*).

Ý thức bảo vệ môi trường nói chung và ý thức quản lý CTR của người dân vùng nông thôn còn nhiều hạn chế, có đến 45% hộ dân ở các xã xây dựng nông thôn mới đổ CTR xuống sông, biển hoặc bất kỳ nơi nào nếu thuận tiện. Nếu tạm tính 45% của 390 tấn CTR/ngày thì mỗi ngày có khoảng 175 tấn CTR được đổ bừa bãi, đổ xuống sông, biển.

Theo dự báo đến năm 2020 thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh là 2.404 tấn/ngày, trong đó chất thải đô thị là 1.000 tấn/ngày và nông thôn 1.404 tấn/ngày và đến năm 2025 thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh là 3.344 tấn/ngày, trong đó chất thải thành thị là 1.727 tấn/ngày và nông thôn 1.617 tấn/ngày.

3. Thực trạng phát sinh chất thải công nghiệp:

Kiên Giang có 05 khu công nghiệp (KCN) trong danh mục các khu công nghiệp Việt Nam được Chính phủ cho phép thành lập đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 với tổng diện tích đất là 759 ha, gồm các KCN sau: KCN Thạnh Lộc 250 ha, KCN Thuận Yên 141 ha, KCN Xẻo Rô 200 ha, KCN Tắc

Cậu 68 ha và KCN Kiên Lương II 100 ha, gắn với 05 KCN có 04 khu dân cư - tái định cư với diện tích 148 ha và 01 khu dịch vụ - thương mại với diện tích 69 ha. Hiện nay, tất cả các khu công nghiệp chưa hoàn thành hạ tầng kỹ thuật.

Các ngành công nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh chủ yếu là chế biến thủy hải sản, thực phẩm, khai thác chế biến khoáng sản, chế biến gỗ nhỏ, xây dựng,... Hầu hết các cơ sở này nằm xen kẽ trong khu dân cư (ngoại trừ Khu cảng cá Tắc Cậu). Hoạt động sản xuất này sẽ thải ra môi trường hàng năm hàng chục nghìn tấn chất thải, thành phần chủ yếu là: Vỏ đầu tôm, xương cá, đất, đá thải, bã vỏ trái cây, vỏ trấu, bao bì, gỗ vụn,...

Lượng chất thải rắn công nghiệp (CTRCN) trên địa bàn tỉnh năm 2015 là 129 tấn/ngày, trong đó:

- Khu cảng cá Tắc Cậu và khu vực huyện Kiên Lương: Phát sinh khoảng 11 tấn/ngày, trong đó huyện Châu Thành 3,2 tấn/ngày và Kiên Lương 8 tấn/ngày.

- Ngành công nghiệp xây dựng: Phát sinh 118 tấn/ngày, trong đó thành phố Rạch Giá phát sinh 50,98 tấn/ngày, thị xã Hà Tiên 7,27 tấn/ngày, huyện Kiên Lương 7,98 tấn/ngày, huyện Giang Thành 2,2 tấn/ngày, Hòn Đất 7,2 tấn/ngày, Tân Hiệp 4,65 tấn/ngày, Giồng Riềng 4,18 tấn/ngày, Gò Quao 2,25 tấn/ngày, An Biên 2,75 tấn/ngày, An Minh 1,57 tấn/ngày, U Minh Thượng 2,2 tấn/ngày, Vĩnh Thuận 3,31 tấn/ngày, Kiên Hải 1,1 tấn/ngày và Phú Quốc 15,4 tấn/ngày.

Dự báo đến năm 2020 tổng lượng chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn tỉnh rất lớn 858 tấn/ngày. Trong đó lượng rác của các khu, các cụm công nghiệp phát sinh 377 tấn/ngày, rác thải xây dựng là 481 tấn/ngày. Trong 377 tấn rác công nghiệp thì lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 132 tấn/ngày.

4. Thực trạng phát sinh chất thải rắn y tế nguy hại:

Theo số liệu báo cáo từ các cơ sở y tế trên toàn tỉnh, có từ 60 - 65 tấn chất thải rắn y tế (CTRYT) nguy hại phát sinh mỗi năm. CTRYT nguy hại được thu gom và xử lý chiếm từ 70 - 99%. Tuy nhiên, số liệu ghi nhận được trong quá trình thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế có sự chênh lệch rất lớn so với số liệu báo cáo của các cơ sở y tế. Số liệu ghi nhận được vào năm 2014 là 386 tấn (số liệu tổng lượng CTRYT nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên toàn tỉnh từ năm 2013 - 2015 được tổng hợp tại Phụ lục 3 đính kèm Báo cáo này).

Hiện nay, CTRYT nguy hại được thu gom, xử lý tại chỗ (trong khuôn viên của các cơ sở y tế) là chính. Việc thuê đơn vị khác vận chuyển, xử lý ở nơi khác chỉ là tình huống xử lý khi lò đốt CTRYT của cơ sở bị hư hỏng.

Toàn tỉnh có 17 bệnh viện đa khoa (BVĐK) và trung tâm y tế (TTYT) (hoạt động giống bệnh viện) đang hoạt động. Có 15 bệnh viện đa khoa, trung

tâm y tế (hoạt động giống bệnh viện) đã được đầu tư lò đốt CTRYT để xử lý CTRYT tại chỗ. Còn lại 01 bệnh viện (Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Kiên Giang) chuyển CTRYT sang BVĐK tỉnh xử lý; 01 bệnh viện (BVĐK Hà Tiên) vận chuyển đến bãi rác Hà Tiên xử lý.

Đối với các cơ sở y tế nhỏ (các phòng khám tư nhân, các trung tâm y tế tuyến huyện, các trạm y tế tuyến xã): Chất thải y tế nguy hại phát sinh rất ít và đang được xử lý bằng cách gửi vào các BVĐK, TTYT có lò đốt CTRYT để xử lý.

Việc vận hành lò đốt CTRYT nguy hại của các cơ sở y tế hiện nay còn nhiều vấn đề tồn tại. Công nghệ của các lò đốt chưa tiên tiến. Nhiều nơi, lò đốt đã xuống cấp hoặc hư hỏng thường xuyên. Kỹ thuật vận hành lò cũng chưa được các cơ sở quan tâm đúng mức nên đốt không cháy được hoàn toàn chất thải cần đốt. Nhìn chung, tình trạng hoạt động của đa số lò đốt CTRYT hiện nay rất kém hiệu quả, không đảm bảo quy chuẩn môi trường.

5. Thực trạng phát sinh chất thải rắn công nghiệp nguy hại:

Theo số liệu báo cáo từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH), tổng lượng CTRCN nguy hại phát sinh trên toàn tỉnh là 152,36 tấn (năm 2015). CTNH này được lưu giữ tại cơ sở của chủ nguồn thải. CTRCN nguy hại bước đầu đã được các chủ nguồn thải thu gom, phân loại và quản lý theo quy định, nhưng chưa triệt để, vẫn còn tình trạng đổ thải và bán chất thải nguy hại không theo quy định (dầu nhớt thải thường được bán cho các tổ chức, các nhân không chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại) (*số liệu tổng lượng CTRCN nguy hại phát sinh trên toàn tỉnh từ năm 2013 - 2015 được tổng hợp theo Phụ lục 4 đính kèm theo Báo cáo này*).

Trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hiện nay chỉ có 01 cơ sở có giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại (Công ty TNHH Holcim Việt Nam thực hiện đồng xử lý CTNH trong lò nung xi măng). Tuy nhiên, vì đồng xử lý trong lò nung xi măng nên không phải CTNH nào cũng xử lý được. Vì vậy, đa số các chủ nguồn thải CTNH trong tỉnh (với lượng CTNH ít) hợp đồng xử lý CTNH với các công ty xử lý CTNH ngoài tỉnh (chủ yếu là ở Thành phố Hồ Chí Minh) để xử lý.

II. THEO QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH KIÊN GIANG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1418/QĐ-UBND:

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Theo Quyết định số 1418/QĐ-UBND thì đến năm 2020, tỉnh Kiên Giang phải xây dựng 07 khu xử lý chất thải rắn vùng tỉnh và vùng huyện (nâng công suất 01 khu và xây dựng mới 06 khu), (*danh mục quy hoạch khu xử lý CTR vùng tỉnh và huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được tổng hợp tại Phụ lục 5 đính kèm theo Báo cáo này*).

Tuy nhiên, đến nay trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 nhà máy xử lý chất thải hợp vệ sinh (Nhà máy xử lý rác Tâm Sinh Nghĩa tại xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất) với công suất xử lý 200 tấn/ngày, chủ yếu xử lý rác thải của thành phố Rạch Giá, huyện: An Biên, Tân Hiệp, Hòn Đất và Châu Thành.

Để xây dựng các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch trên cần phải có nguồn kinh phí rất lớn, trong khi đó nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, không đủ để thực hiện. Do đó, để có đủ kinh phí đầu tư, xây dựng các khu xử lý chất thải rắn, UBND tỉnh đã và đang kêu gọi các nhà đầu tư, kêu gọi xã hội hóa và đã ban hành chính sách ưu đãi trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay mới chỉ có Công ty TNHH Môi Trường Xanh Kiên Lương đang đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác tại huyện Kiên Lương với công suất 100 tấn rác/ngày; Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Toàn Cầu đang đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác với công suất 200 tấn rác/ngày tại ấp Bãi Bồn, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc có diện tích 10,5 ha.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Ưu điểm:

Với sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cùng sự cố gắng nỗ lực của các cấp, ngành và cộng đồng, công tác bảo vệ môi trường của tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định. Các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, đề án được thể chế hóa thành các chính sách, quy định, quyết định phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; nhận thức về công tác BVMT của các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân được nâng lên; đã hình thành cơ chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về BVMT và Chương trình phối hợp hành động BVMT phục vụ phát triển bền vững giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các Sở, ngành và tổ chức đoàn thể trong tỉnh.

Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được thực hiện thường xuyên; xử lý kịp thời các điểm nóng về môi trường. Nhiều dự án xử lý nước thải, rác thải, cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh được đầu tư xây dựng, góp phần quan trọng trong việc hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và từng bước cải thiện chất lượng môi trường ở một số khu vực trọng điểm. Môi trường nông thôn đã được cải thiện đáng kể, nhiều công trình cung cấp nước sạch, đảm bảo vệ sinh môi trường cho nhân dân ở các vùng nông thôn trong tỉnh được đầu tư xây dựng. Nhiều xã đã thành lập tổ vệ sinh môi trường thu gom rác thải và vận chuyển đến nơi quy định, hạn chế được tình trạng đổ rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường khu vực.

2. Hạn chế:

Mặc dù đã đạt được các kết quả trên, nhưng công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại và khó khăn. Tại các đô thị, rác thải và nước thải chưa được thu gom, xử lý triệt để đang là nguồn gây ô nhiễm môi

trường; hệ thống tiêu, thoát nước đã xuống cấp, nhiều nơi xảy ra tình trạng ngập nước khi có mưa lớn kéo dài, nước thải sinh hoạt chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, gây ô nhiễm và mất mỹ quan đô thị. Năng lực thu gom chất thải rắn ở các đô thị lớn mới đạt 60 - 70%; công tác phân loại chất thải rắn còn hạn chế. Toàn tỉnh mới chỉ có một nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt đang hoạt động, còn lại các bãi rác đơn thuần chỉ là bãi chứa rác tập trung.

Tại các vùng nông thôn, nhiều người dân chưa được sử dụng nước sạch, nhiều hộ gia đình thiếu công trình vệ sinh tối thiểu. Tập quán, thói quen ở một số vùng còn lạc hậu, người dân chưa có ý thức bảo vệ nguồn nước, giữ gìn vệ sinh môi trường. Rác thải sinh hoạt nông thôn mới thu gom được khoảng 30 - 50%, tập trung về bãi rác tạm để phân hủy tự nhiên, một số địa phương chưa có tổ chức thu gom rác, đổ bừa bãi ra bờ sông, kênh, rạch. Ngoài ra, việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học vẫn diễn ra phổ biến ở các vùng nông thôn.

Khu vực ven biển hiện đang bị ô nhiễm bởi chất thải sinh hoạt, rác đổ lộ thiên không được chôn lấp và xử lý theo đúng quy định,... Nhiều hộ gia đình sống ven biển không có các công trình vệ sinh, chất thải sinh hoạt thải trực tiếp ra biển.

Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng ở một số cụm công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ hoạt động xen kẽ trong các khu dân cư vẫn chưa được giải quyết. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chậm xử lý; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư, chợ,... chưa được xử lý triệt để. Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải rắn nguy hại còn nhiều khó khăn, chưa có mô hình thu gom, xử lý phù hợp với đặc thù của địa phương. Trong khi đó, cấp huyện còn thiếu chủ động trong việc kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về môi trường trên địa bàn; chưa kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT,...

3. Nguyên nhân:

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác bảo vệ môi trường chưa thật sự chặt chẽ. Vai trò của các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đầy đủ.

- Công tác tuyên truyền các chế độ, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đã được quan tâm nhưng chưa sâu rộng, có lúc mang tính hình thức nên hiệu quả chưa cao.

- Công tác thanh tra ở một số ngành, một số lĩnh vực, một số địa phương còn bỏ trống, không thực hiện đúng chức năng quản lý được phân công.

- Trình độ quản lý của cán bộ môi trường cấp huyện và xã còn yếu, thiếu kinh nghiệm quản lý, không được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ. Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý môi trường vẫn còn thiếu.

IV. CÁC GIẢI PHÁP VÀ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TRONG THỜI GIAN TỚI:

Để giải quyết được vấn nạn ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt gây ra, đồng thời góp phần vào tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh, trong thời gian tới, UBND tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan, Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và chất thải rắn ở cấp huyện, cấp xã. Tham mưu đề xuất với UBND tỉnh về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền địa phương trong việc để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, vứt rác thải và đổ rác thải không đúng nơi quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường, tạo sự bức xúc trong nhân dân.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các tổ chức, cá nhân hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh kêu gọi và lựa chọn các nhà đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung; tiếp tục rà soát, tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng:

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo sớm triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch quản lý rác thải rắn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 đã được phê duyệt. Đồng thời tiếp tục rà soát, cập nhật và đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quản lý chất thải rắn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Cụ thể cần quan tâm đến các vấn đề sau:

+ Vấn đề vận chuyển toàn bộ chất thải nguy hại gồm chất thải y tế và chất thải công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh xử lý tập trung tại cơ sở xử lý CTR nguy hại vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long trong khu liên hợp xử lý CTR Cà Mau.

+ Vấn đề thu gom, vận chuyển CTR nông thôn đi xử lý tập trung tại các cơ sở xử lý CTR cấp tỉnh và liên huyện.

+ Bổ sung quy hoạch 01 khu xử lý bùn thải và 01 khu xử lý chất thải nguy hại tập trung cấp tỉnh vào quy hoạch quản lý CTR vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

+ Xây dựng và đưa vào hoạt động khu xử lý CTNH tập trung của tỉnh; đầu tư phương tiện vận chuyển CTNH chuyên dùng để vận chuyển CTNH an toàn đến khu xử lý.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn UBND cấp huyện về tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật lựa chọn địa điểm tập kết và xử lý rác thải, xây dựng các trạm trung chuyển và dự án xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sớm ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh: Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định; cân đối, bố trí đảm bảo kinh phí và nhân lực để thực hiện quản lý chất thải y tế nguy hại theo quy định.

- Hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý và xử lý chất thải y tế nguy hại của các cơ sở y tế theo thẩm quyền.

- Làm đầu mối tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Nghiên cứu, thẩm định và đề xuất việc lựa chọn triển khai áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là các lò đốt rác cho các xã đảo.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng đổi mới công nghệ, trang thiết bị; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thân thiện với môi trường trong xử lý rác thải sinh hoạt và bảo vệ môi trường.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vớt, đổ rác thải xuống sông, kênh, mương thủy lợi và các hồ chứa nước.

- Chủ động phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã tuyên truyền, phổ biến tới các khu dân cư, cụm dân cư, khu vực có các tuyến sông, kênh, mương thủy

lợi đi qua không vớt rác xuống kênh, mương thủy lợi. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý kịp thời rác thải ở các tuyến kênh, mương tưới tiêu thủy lợi.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ các dự án đầu tư xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt. Kêu gọi, huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút đầu tư cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương hướng dẫn, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Cân đối, bố trí vốn sự nghiệp môi trường hàng năm, quản lý, cấp phát, hướng dẫn, đôn đốc thanh quyết toán. Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn sự nghiệp môi trường đúng mục đích và có hiệu quả.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang:

Phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng thời lượng tin, bài, thời gian phát sóng, kịp thời thông tin các hoạt động và kết quả thanh tra, kiểm tra về hoạt động thu gom, xử lý rác thải.

9. Công an tỉnh:

Tập trung tăng cường chỉ đạo các lực lượng sử dụng nghiệp vụ trinh sát, nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là hành vi đổ trộm rác thải, phế thải xây dựng và thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để răn đe và tạo sự thay đổi về ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường.

10. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh:

Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức đoàn thể quần chúng tăng cường chỉ đạo, tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân gương mẫu thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Đồng thời tăng cường giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Công bố quy hoạch các điểm trung chuyển, tập kết, xử lý rác thải trên địa bàn; phối hợp với các sở, ngành liên quan quy hoạch, xây dựng các công

trình xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn; quản lý các điểm xử lý rác thải sinh hoạt theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra trách nhiệm của UBND cấp xã, phường, thị trấn trong việc quản lý chất thải sinh hoạt. Kiên quyết xử lý trách nhiệm của người đứng đầu nếu để địa phương mình xảy ra tình trạng vứt rác, đổ rác thải không đúng nơi quy định. Tập trung chỉ đạo các địa phương chưa có bãi xử lý rác thải sinh hoạt phải khẩn trương lựa chọn địa điểm và đầu tư xây dựng để sớm đưa vào sử dụng.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của địa phương về thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra và giám sát thường xuyên các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn trong việc thực hiện về tần suất thu gom, địa điểm đổ thải theo quy hoạch và quy trình xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường. Phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vứt rác, đổ rác thải sinh hoạt, phế thải xây dựng không đúng nơi quy định. Không để tình trạng vứt rác thải, đổ chất thải rắn không đúng nơi quy định.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công phải có trách nhiệm triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, dtnt, "HT".



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Văn Huỳnh



PHỤ LỤC 1

BẢNG TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ PHÁT SINH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TỪ NĂM 2013 - 2015

(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Lượng CTR phát sinh được thống kê	252,30 tấn/ngày	373,18 tấn/ngày	577,38 tấn/ngày
Lượng CTR được thu gom, xử lý	184,33 tấn/ngày (73%)	322,22 tấn/ngày (86%)	493,71 tấn/ngày (86%)
Lượng CTR được xử lý đạt tiêu chuẩn/QC	12,33 tấn/ngày (5%)	252,22 tấn/ngày (66%)	259,91 tấn/ngày (45%)
Lượng CTR chưa được quản lý	55,64 tấn/ngày (22%)	50,96 tấn/ngày (14%)	83,67 tấn/ngày (14%)



PHỤ LỤC 2

**BẢNG TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN NÔNG THÔN PHÁT SINH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TỪ NĂM 2013 - 2015**

*(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Dân số (người)	1.263.340	1.272.837	1.278.668
Ước lượng CTR phát sinh (0,315kg/người/ngày)	398 tấn/ngày	401 tấn/ngày	403 tấn/ngày
Lượng CTR được thu gom, xử lý (theo các báo cáo xã được công nhận NTM)	-	-	13 tấn/ngày (3%)
Lượng CTR được xử lý đạt tiêu chuẩn/QC	-	-	-
Lượng CTR chưa được quản lý	398 tấn/ngày	401 tấn/ngày	390 tấn/ngày (97%)



PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN Y TẾ PHÁT SINH TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TỪ NĂM 2013 - 2015

(Kèm theo Báo cáo số 17 /BC-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng lượng CTRYT nguy hại phát sinh <i>(theo số liệu thống kê)</i>	65,2 tấn	-	60,54 tấn
Lượng CTRYT nguy hại được thu gom	64,7 tấn (99%)	-	50,3 tấn (83%)
Lượng CTRYT nguy hại được xử lý	64,7 tấn (99%)	-	42,5 tấn (70%)
Tổng lượng CTRYT nguy hại phát sinh <i>(theo số liệu thanh, kiểm tra)</i>	-	386 tấn	-
Lượng CTRYT nguy hại được xử lý <i>(theo số liệu thanh, kiểm tra)</i>	-	347 tấn (90%)	-

PHỤ LỤC 4

BẢNG TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI PHÁT SINH TRÊN TOÀN TỈNH TỪ NĂM 2013 - 2015

(Kèm theo Báo cáo số 17 /BC-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)



	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Lượng CTRCN nguy hại phát sinh (theo số liệu thống kê)	140,039 tấn	54,2 tấn	152,36 tấn
Lượng CTRCN nguy hại được thu gom	58,227 tấn	54,2 tấn	133,9 tấn
Lượng CTRCN nguy hại được xử lý	58,227 tấn	52,3 tấn	141,7 tấn



PHỤ LỤC 5

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC QUY HOẠCH KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RAN VÙNG TỈNH VÀ HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 17 /BC-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Vị trí khu xử lý	Công suất (tấn/ngày)			Quy mô (ha)	Phạm vi thu gom, xử lý	Ghi chú
		2015	2020	2025			
1	Xã Mỹ Lâm - Hòn Đất	250 - 300	600 - 700	1.100 - 1.300	25 - 45	TP. Rạch Giá; huyện Hòn Đất, Tân Hiệp	Nâng cấp
2	Xã Long Thạnh - Giồng Riềng	150 - 200	400 - 500	600 - 800	15 - 18	Huyện Giồng Riềng, Gò Quao, Châu Thành	Bố trí mới
3	Xã Phú Mỹ - Giang Thành		100 - 150	150 - 200	10 - 15	Thị xã Hà Tiên, huyện Giang Thành	Bố trí mới
4	TT. Kiên Lương - Kiên Lương	30 - 50	200 - 300	350 - 450	10 - 18,2	Huyện Kiên Lương	Bố trí mới
5	Xã Thạnh Yên - U Minh Thượng		300 - 400	500 - 700	10 - 15	Huyện An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng	Bố trí mới
6	Xã Hàm Ninh - Phú Quốc	50 - 100	150 - 200	200 - 300	10 - 25	Huyện Phú Quốc	Bố trí mới
7	Xã Cửa Dương - Phú Quốc		150 - 200	200 - 250	10 - 25	Huyện Phú Quốc	Bố trí mới
Tổng cộng		480 - 650	1.900 - 2.450	3.200 - 4.050	90 - 161,2		